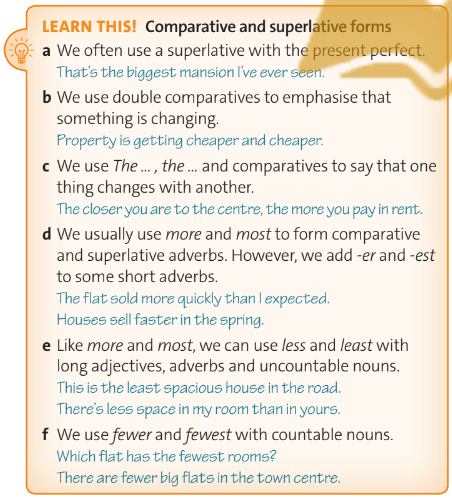
# Unit 4B. Grammar (trang 50)

**Tiếng Anh 11 Unit 4B Grammar trang 50 - Friends Global**  
**1 (trang 50 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Describe the photo. What are the people doing? What might they be saying? *(Mô tả bức ảnh. Mọi người đang làm gì? Họ có thể đang nói gì?)*  
  
**Gợi ý:**  
It seems that the people in the photo are looking at advertisements related to selling a house. They could be potential home buyers or perhaps individuals who are interested in selling their own property.  
They could be discussing the features of the properties being advertised, comparing prices, or even debating the pros and cons of buying or selling at this time. Alternatively, they may be silent, simply taking in the information provided by the advertisements.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Có vẻ như những người trong ảnh đang xem quảng cáo liên quan đến việc bán nhà. Họ có thể là những người có ý định mua nhà hoặc có lẽ là những cá nhân quan tâm đến việc bán tài sản của chính họ.  
Họ có thể đang thảo luận về các đặc điểm của bất động sản được quảng cáo, so sánh giá cả hoặc thậm chí tranh luận về ưu và nhược điểm của việc mua hoặc bán vào thời điểm này. Hoặc, họ có thể im lặng, chỉ xem thông tin trong quảng cáo mà thôi.  
  
**2 (trang 50 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the dialogue, ignoring the gaps, and check your ideas from exercise 1. *(Đọc đoạn hội thoại, bỏ qua những khoảng trống và kiểm tra suy nghĩ của bạn từ bài tập 1.)*  
Jenny: I think this flat is the best we've seen so far. Rents seem to be getting higher and higher. But this one’s the least expensive and it’s the (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (near) to the city centre.  
Beth: But it’s the one with the fewest rooms and the least space.  
Jenny: So you prefer the flat in the (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (bad) location and with the (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (high) rent?  
Beth: The location isn’t that bad. It’s (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (far) from the centre than the other two, but you can get to the train station more easily. And it’s much (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (spacious) than the other two flats.  
Jenny: Can we afford it, though? The more we spend on rent, the less we'll have for other things.  
Beth: Actually, it’s less expensive than it seems because the rent includes all the bills.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Jenny: Tôi nghĩ căn hộ này là căn hộ tốt nhất mà chúng ta đi xem từ trước đến nay. Giá thuê dường như càng ngày càng cao hơn. Nhưng căn này rẻ nhất và nó (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (gần) trung tâm thành phố.  
Beth: Nhưng đó là căn có ít phòng nhất và ít không gian nhất.  
Jenny: Vậy bạn thích căn hộ ở vị trí (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tệ) và với giá thuê (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (cao)?  
Beth: Vị trí không đến nỗi tệ. Nó cách trung tâm (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (xa) hơn hai nơi kia, nhưng bạn có thể đến ga xe lửa dễ dàng hơn. Và nó (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (rộng rãi) hơn nhiều hai căn hộ kia.  
Jenny: Chúng ta có đủ tiền mua không? Chúng ta càng chi nhiều tiền thuê nhà, chúng ta càng có ít tiền cho những thứ khác.  
Beth: Trên thực tế, nó rẻ hơn mình nghĩ đấy vì tiền thuê nhà đã bao gồm tất cả các hóa đơn rồi.  
**Đáp án:**  
The people are looking at property to rent. They are discussing which would be the best for them.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Mọi người đang tìm nhà để thuê. Họ đang thảo luận về căn nhà nào phù hợp nhất với họ.  
  
**3 (trang 50 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Complete the dialogue with the comparative or superlative form of the adjectives in brackets. *(Hoàn thành đoạn hội thoại với dạng so sánh hơn hoặc so sánh nhất của các tính từ trong ngoặc.)*  
*Đáp án:*  
  
  
  
  
*1. nearest*  
  
  
*2. worst*  
  
  
*3. highest*  
  
  
  
  
*4. further/ farther*  
  
  
*5. more spacious*  
  
   
  
  
  
*Giải thích:*  
*Cấu trúc so sánh hơn với tính từ:*  
*- Tính từ ngắn: S + be + adj + er + than*  
*- Tính từ dài: S + be + more + adj + than*  
*Cấu trúc so sánh nhất với tính từ:*  
*- Tính từ ngắn: S + be + the + adj + est*  
*- Tính từ dài: S + be + the most + adj*  
*Các trường hợp đặc biệt:*  
*bad – worse – worst*  
*far – further/ farther – furthest/ farthest*  
*Hướng dẫn dịch:*  
  
  
  
  
*1. gần nhất*  
  
  
*2. tệ nhất*  
  
  
*3. cao nhất*  
  
  
  
  
*4. xa nhất*  
  
  
*4. rộng rãi hơn*  
  
   
  
  
  
  
**4 (trang 50 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Match each highlighted phrase in the dialogue with a rule (a-f). *(Đọc bảng Learn this!. Nối mỗi cụm từ được tô đậm trong đoạn hội thoại với một quy tắc (a-f).)*  
  
**Đáp án:**  
a. the best we’ve seen  
b. higher and higher  
c. The more we spend on rent, the less we’ll have for other things.  
d. more easily  
e. the least expensive; the least space; less expensive than it seems  
f. the fewest rooms  
**Hướng dẫn dịch:**  
Learn this! Hình thức so sánh hơn và so sánh nhất  
a. Chúng ta thường sử dụng so sánh nhất với thì hiện tại hoàn thành.  
That’s the biggest mansion I’ve ever seen. (Đó là căn biệt thự lớn nhất tôi từng được chứng kiến.)  
b. Chúng ta sử dụng so sánh képđể nhấn mạnh việc gì đó đang thay đổi.  
Property is getting cheaper and cheaper. (Giá nhà cửa đang ngày càng trở nên rẻ hơn.)  
c. Chúng ta sử dụng The…., the… (càng…thì càng…) và so sánh hơn để diễn tả 1 sự việc thay đổi theo 1 sự việc khác.  
The closer you are to the centre, the more you pay in rent. (Bạn càng gần trung tâm, bạn càng phải trả tiền thuê nhà nhiều hơn,)  
d. Chúng ta sử dụng more (nhiều hơn) và most (nhiều nhất) để hình thành trạng từ ở dạng so sánh hơn và so sánh nhất. Tuy nhiên, chúng ta thêm đuôi “-er” và “-est” vào sau 1 số trạng từ ngắn.  
The flat sold more quickly than I expected. (Căn hộ được bán nhanh hơn tôi nghĩ.)  
Houses sell faster in the spring. (Nhà cửa bán nhanh hơn vào mùa xuân.)  
e. Giống với more và most, chúng ta dùng less (ít hơn) và least (ít nhất) với tính từ dài, trạng từ dài và các danh từ không đếm được.  
This is the least spacious house in the road. (Đây là căn nhà ít rộng rãi nhất trên con đường.)  
There’s less space in my room than in yours. (Có ít không gian trong phòng tôi hơn phòng bạn.)  
f. Chúng ta sử dụng fewer (ít hơn) và fewest (ít nhất) với các danh từ đếm được.  
Which flat has the fewest rooms? (Căn hộ nào có ít phòng nhất?)  
There are fewer big flats in the town centre.(Có ít căn hộ lớn ở trung tâm thị trấn hơn.)  
  
**5 (trang 50 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Look at the table. Then listen and decide if the sentences are true or false. Correct the false sentences. *(Nhìn vào bảng. Sau đó lắng nghe và xác định xem các câu đó đúng hay sai. Sửa các câu sai.)*  
*Audio 2.06*  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Rent per month: Giá thuê mỗi tháng  
- From centre: Khoảng cách tới trung tâm  
- From station: Khoảng cách tới nhà ga  
- Size: Diện tích  
- Rooms: Số lượng phòng  
- Comfort: Mức độ thoải mái  
**Đáp án:**  
1. F => Flat 1 has got the lowest rent. (Căn hộ 1 có giá thuê thấp nhất.)  
2. T  
3. F => Flat 3 is the most comfortable of the three. (Căn hộ 3 thoải mái nhất trong 3 căn hộ.)  
4. F => Flat 2 is furthest from the centre. (Căn hộ 2 xa trung tâm nhất.)  
5. F => You’ll pay the least rent for flat 1. (Bạn sẽ phải trả ít tiền thuê nhà nhất cho căn hộ 1.)  
6. F => Flat 3 is nearer to the station than flats 1 and 2. (Căn hộ 3 gần nhà ga hơn căn hộ 1 và 2.)  
7. T  
8. F => Flat 2 has got the most rooms. (Căn hộ 2 có nhiều phòng nhất.)  
9. F => Flat 3 is more comfortable and more spacious than flat 2. (Căn hộ 3 thoải mái và rộng rãi hơn căn hộ 2.)  
**Nội dung bài nghe:**  
1. Flat 1 has got the highest rent.  
2. Flat 2 is less spacious than flat 3.  
3. Flat 2 is the most comfortable of the three.  
4. Flat 1 is furthest from the centre.  
5. You’ll pay the least rent for flat 2.  
6. Flat 3 is further from the station than flats 1 and 2.  
7. Flat 3 has got fewer rooms than flat 2.  
8. Flat 1 has got the most rooms.  
9. Flat 1 is more comfortable and more spacious than flat 2.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Căn hộ 1 có giá thuê cao nhất.  
2. Căn hộ 2 ít rộng rãi hơn căn hộ 3.  
3. Căn hộ 2 là căn hộ thoải mái nhất trong ba căn hộ.  
4. Căn hộ 1 xa trung tâm nhất.  
5. Bạn sẽ phải trả ít tiền thuê nhất cho căn hộ 2.  
6. Căn hộ 3 xa nhà ga hơn căn hộ 1 và 2.  
7. Căn hộ 3 có ít phòng hơn căn hộ 2.  
8. Căn hộ 1 có nhiều phòng nhất.  
9. Căn hộ 1 thoải mái và rộng rãi hơn căn hộ 2.  
  
**6 (trang 50 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: USE OF ENGLISH Complete the second sentence so that it means the same as the first using the word in brackets and the correct comparative or superlative form. *(Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không đổi so với câu thứ nhất, sử dụng từ trong ngoặc và dạng đúng của so sánh hơn hoặc so sánh nhất.)*  
1. Houses sell less fast in December. (slowly)  
Houses \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
2. The cottage isn’t as spacious as the villa. (less)  
The cottage \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
3. Houses are becoming increasingly expensive. (more)  
Houses \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
4. As the flat gets older, it becomes more dilapidated. (the)  
The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
5. I've never seen a cosier living room! (the)  
This is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_!  
**Đáp án:**  
1. Houses sell more slowly in December.  
2. The cottage is less spacious than the villa.  
3. Houses are becoming more (and more) expensive.  
4. The older the flat gets, the more dilapidated it becomes.  
5. This is the cosiest living room I’ve ever seen!  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nhà cửa bán ít nhanh hơn vào tháng 12. = Nhà cửa bán chậm hơn vào tháng 12.  
2. Nhà tranh không rộng rãi bằng biệt thự. = Nhà tranh ít rộng rãi hơn biệt thự.  
3. Nhà cửa đang ngày càng trở nên đắt hơn. = Nhà cửa đang trở nên càng ngày càng đắt hơn.  
4. Khi căn hộ trở nên cũ hơn, nó trở nên đổ nát hơn. = Căn hộ càng cũ hơn, nó càng trở nên đổ nát hơn.  
5. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy căn phòng nào ấm cúng hơn! = Đây là căn phòng ấm cúng nhất mà tôi từng chứng kiến!  
  
**7 (trang 50 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Ask and answer using a superlative form (-est / most / least) and the present perfect with ever. *(Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời sử dụng dạng so sánh nhất (-est: nhất / most: nhiều nhất / least: ít nhất) và thì hiện tại hoàn thành với ever: đã từng.)*  
1. Impressive building / visit  
2. Interesting person / know  
3. Long book / read  
4. Exciting film / see  
What's the most impressive building you've ever visited?  
**Gợi ý:**  
A: What's the most impressive building you've ever visited?  
B: The most impressive building I've ever visited is the Taj Mahal in India. It's truly a wonder of the world.  
A: Wow, that must have been amazing to see in person. Who's the most interesting person you've ever known?  
B: That would have to be my college professor. He was a former astronaut and had some incredible stories to share.  
A: That's really cool! What's the longest book you've ever read?  
B: The longest book I've ever read is "Gone with the Wind" by Margaret Mitchell. It's a classic, but it took me a while to finish.  
A: I've heard of that book, but I haven't read it yet. What's the most exciting film you've ever seen?  
B: The most exciting film I've ever seen is "The Dark Knight" directed by Christopher Nolan. It's a masterpiece of a superhero movie with an incredible performance by the late Heath Ledger.  
A: Oh, I've seen that one! It's definitely one of the best superhero movies out there.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Tòa nhà ấn tượng nhất mà bạn từng đến thăm là gì?  
B: Tòa nhà ấn tượng nhất mà tôi từng đến thăm là Taj Mahal ở Ấn Độ. Đó thực sự là một kỳ quan của thế giới.  
A: Chà, chắc hẳn rất tuyệt vời khi được tận mắt chứng kiến nhỉ. Ai là người thú vị nhất bạn từng biết?  
B: Đó sẽ phải là giáo sư đại học của tôi. Thầy ấy từng là một phi hành gia và đã chia sẻ một số câu chuyện tuyệt vời về nó.  
A: Điều đó thực sự tuyệt vời! Cuốn sách dài nhất bạn từng đọc là gì?  
B: Cuốn sách dài nhất mà tôi từng đọc là "Cuốn theo chiều gió" của Margaret Mitchell. Đó là một tác phẩm kinh điển, nhưng tôi phải mất một thời gian để đọc xong.  
A: Tôi đã nghe nói về cuốn sách đó, nhưng tôi chưa đọc. Bộ phim thú vị nhất bạn từng xem là gì?  
B: Bộ phim thú vị nhất mà tôi từng xem là "Kỵ sĩ bóng đêm" của đạo diễn Christopher Nolan. Đó là một kiệt tác của phim siêu anh hùng với diễn xuất đáng kinh ngạc của Heath Ledger quá cố.  
A: Ồ, tôi đã xem bộ phim rồi! Đó chắc chắn là một trong những bộ phim siêu anh hùng hay nhất hiện có.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4A. Vocabulary (trang 48, 49)  
Unit 4C. Listening (trang 51)  
Unit 4D. Grammar (trang 52)  
Unit 4E. Word Skills (trang 53)  
Unit 4F. Reading (trang 54, 55)  
Unit 4G. Speaking (trang 56)  
Unit 4H. Writing (trang 57)  
Unit 4I. Culture (trang 58)  
Review Unit 4 (trang 59)  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health